TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2018
"V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương,
2. Ông Lê Đình Thủ.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Văn Mười B**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: số 144, ấp 5, xã B, huyện C, tỉnh Đ.
2. Bị đơn: **Trần Thị N**, sinh năm 1988;
Địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện C, Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 05/3/2018 nguyên đơn anh Lê Văn Mười B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mười B và chị N kết hôn năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn không lâu thì vợ chồng bất đồng quan điểm và chị N đòi bỏ đứa con trong bụng, anh đã cố gắng động viên, anh nói rằng chị N cứ sinh con ra nếu chị N không nuôi thì anh sẽ nuôi và chị N đồng ý. Sau khi sinh con được 02 tháng thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và chị N đã về nhà cha mẹ ruột

sống. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng đã ly thân với nhau. Trong thời gian ly thân này, anh đã nhiều lần khuyên chị N trở về chung sống nhưng chị N không đồng ý. Nay anh Mười B nhận thấy tình cảm hai bên không thể hàn gắn được, nên anh Mười B yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc O, sinh ngày 03/9/2013. Hiện nay con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Theo ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 05/3/2018 bị đơn chị Trần Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận lời trình bày của anh Mười B về việc hai người kết năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của anh Mười B. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay. Trong thời gian ly thân này, anh Mười B có tìm cách hàn gắn, khuyên chị về chung sống nhưng chị không đồng ý. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Lê Văn Mười B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc O, sinh ngày 03/9/2013. Hiện nay con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Mười B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

1. Bản sao giấy khai sinh tên Lê Ngọc O.

2. Bản photo giấy chứng minh nhân dân tên Lê Văn Mười B và chị Trần Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: chị Trần Thị N đã được triệu tập hợp lệ, đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị N.

Trong quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Phạm Phước Tâm và bà Hồ Thị Mai Hương, Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Dương Tấn Lợi và bà Lê Thị Ngọc Châu. Tuy nhiên, ông Lợi, bà Châu và ông Tâm đều bận công tác đột xuất nên thay thế Hội thẩm nhân dân là ông Lê Đình Thủ để tham gia Hội đồng xét xử.

Đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

- Về hôn nhân: Xét thấy anh Lê Văn Mười B và chị Trần Thị N tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng anh Mười B và chị N đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định " *1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*"; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: " *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....*". Do anh Mười B và chị N không đăng ký kết hôn nên khi anh Mười B xin ly hôn Hội động xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người; Và vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận anh Lê Văn Mười B và chị Trần Thị N là vợ chồng.

- Về con chung: Xét thấy anh Mười B và chị N thỏa thuận con chung tên Lê Ngọc O, sinh ngày 03/9/2013 sẽ do chị N tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận, anh Mười B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh Mười B có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh Mười B và chị N thống nhất không có nên Tòa không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Mười B và chị N thống nhất không có nợ chung của ai cũng không cho ai mượn nợ.

- Án phí: Anh Lê Văn Mười B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Lê Văn Mười B và chị Trần Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Lê Ngọc O, sinh ngày 03/9/2013 sẽ do chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh Mười B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Mười B có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Lê Văn Mười B phải chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04185 ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Trung Dũng